TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh P**

Bản án số: 50/2018/DS-ST
Ngày: 09-5-2018
V/v tranh chấp "*Hợp đồng góp hụi*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Lại Hiệp Phong.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Tôn Phước Thuận;

- Ông Nguyễn Văn Trí.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Kim Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa***: Bà Lê Mai Huyền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 335/2017/TLST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp "*Hợp đồng góp hụi*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2018/QĐST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị Hồng S, sinh năm 1992; (có mặt).

Cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1983; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 01/12/2017); (có mặt).

Cư trú: khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang

Bị đơn: Ông Võ Ngọc N, sinh năm 1964; (vắng mặt).

Bà Phan Thị Thu H, sinh năm 1967; (vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, ông Nguyễn Văn P trình bày: bà S có làm chủ hụi tại địa bàn ấp L, xã L. Do quen biết cùng ấp nên bà S có cho vợ chồng ông Võ Ngọc N và bà Phan Thị Thu H tham gia nhiều dây hụi. Cụ thể gồm các dây hụi:

- Dây thứ nhất: Hụi ngày khui vào ngày 05/01/2016 (âm lịch) có 100 phần, mỗi phần là 20.000đồng/ngày. Ông N, bà H tham gia 06 phần. Mỗi ngày ông N, bà H chầu hụi cho bà S là 120.000 đồng. Bà H, ông N đã lĩnh hụi vào ngày 28/3/2016 (âm lịch) được số tiền 10.818.000 đồng (lĩnh hết 06 phần). Số tiền còn lại mà ông bà phải góp hụi chết là 17 ngày x 120.000/ngày = 2.040.000 đồng. Dây hụi này đã mãn hụi.

- Dây hụi thứ hai: Hụi ngày khui vào ngày 23/2/2016 (âm lịch), có 108 phần, mỗi phần là 20.000đồng/ngày. Ông N, bà H tham gia 06 phần. Mỗi ngày ông N, bà H chầu hụi cho bà S là 120.000 đồng. Ông N, bà H lĩnh hụi vào ngày 29/3/2016 (âm lịch) được số tiền 11.376.000 đồng (lĩnh hết 06 phần). Ông N, bà H phải góp lại số tiền hụi chết còn lại là 72 ngày x 120.000/ngày = 8.640.000 đồng. Dây hụi này đã mãn hụi.

- Dây hụi thứ ba: Hụi tháng (2.000.000 đồng/tháng) khui vào ngày 02/9/2016 (âm lịch) có 21 phần. Ông N, bà H tham gia 02 phần. Vào ngày 02/9/2016 (âm lịch), ông N, bà H đã lĩnh hụi 01 phần được 32.000.000 đồng, phần còn lại lĩnh vào ngày 02/3/2017 (âm lịch) với số tiền 32.850.000 đồng. Hai phần hụi này ông N, bà H phải góp lại hụi chết là 52.000.000 đồng (13 lần x 2.000.000 đồng x 02 phần). Dây hụi này mãn hụi vào ngày 02/4/2018 (âm lịch).

- Dây hụi thứ tư: Hụi tháng (1.000.000 đồng/tháng) khui ngày 20/6/2016 (âm lịch), có 21 phần. Ông N, bà H tham gia 01 phần. Ông N, bà H đã lĩnh phần hụi này vào ngày 20/02/2017 (âm lịch) được số tiền 16.800.000 đồng. Phần hụi này ông N, bà H còn phải góp lại hụi chết là 11.000.000 đồng (11 lần x 1.000.000 đồng/tháng). Dây hụi này mãn hụi vào ngày 20/01/2018 âm lịch).

Do đó, tổng số tiền hụi mà ông N, bà H còn phải góp cho bà S là 73.680.000 đồng. Nay, bà S yêu cầu ông N và bà H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà S tổng số tiền hụi 73.680.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Do ông N, bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không tiến hành được phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Võ Ngọc N trình bày: ông và bà H là vợ chồng nhưng hiện nay bà H đã bỏ nhà đi, ông không biết nguyên nhân vì thời gian bà H bỏ đi thì ông đang làm lúa ở Long An. Ông không có tham gia hụi với bà S, chỉ có vợ ông tham gia giao dịch hụi với bà S, tham gia cụ thể thế nào thì ông không biết, có lĩnh hụi hay chưa ông cũng không rõ. Việc tham gia hụi của vợ ông, ông không biết. Vì ông không tham gia hụi với bà S nên ông không có trách nhiệm gì đối với số tiền bà S khởi

kiện. Vì vậy, ông không đồng ý cùng vợ ông trả tiền nợ hụi cho bà S vì vợ ông là hụi viên vợ ông có trách nhiệm trả cho bà S.

Tại phiên tòa,

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện: nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 63.000.000 đồng của dây hụi 1.000.000 đồng/tháng và dây hụi 2.000.000 đông/tháng, không yêu cầu bị đơn trả số tiền 10.680.000 đồng của hai dây hụi ngày. Căn cứ cho yêu cầu khởi của nguyên đơn là giấy hụi 20/6/2016(âm lịch) và 02/9/2016 (âm lịch) và lời khai của ông N và những người làm chứng là các hụi viên trong giấy hụi mà Tòa án đã tiến hành lấy lời khai có trong hồ sơ vụ án.

Nguyên đơn rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 10.680.000 đồng của hai dây hụi ngày, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 63.000.000 đồng của dây hụi 1.000.000 đồng/tháng và dây hụi 2.000.000 đồng/tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp Hnh pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Theo bà S trình bày: bà có làm chủ nhiều dây hụi và vợ chồng ông N, bà H tham gia 04 dây hụi, cụ thể:

- Dây hụi 20.000 đồng/ngày, mở ngày 05/01/2016 (âm lịch) có 100 phần, ông N, bà H tham gia 06 phần, đã hốt hụi và còn nợ lại 2.040.000 đồng.

- Dây hụi 20.000 đồng/ngày, mở ngày 23/02/2016 (âm lịch) có 108 phần, ông N, bà H tham gia 06 phần, đã hốt hụi và còn nợ lại 8.640.000 đồng.

- Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, mở ngày 02/9/2016 (âm lịch) có 21 phần, ông N, bà H tham gia 02 phần, đã hốt hụi và còn nợ lại 52.000.000 đồng.

- Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, mở ngày 20/6/2016(âm lịch) có 21 phần, ông N, bà H tham gia 01 phần, đã hốt hụi và còn nợ lại 11.000.000 đồng.

Ngày 15/11/2017, bà S khởi kiện yêu cầu ông N, bà H liên đới trả tổng số tiền hụi 73.680.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà S rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với hai dây hụi ngày số tiền 10.680.000 đồng, đây là sự tự nguyện của đương sự phù hợp quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, nên đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của bà S.

Phía ông N thừa nhận bà H có tham gia góp hụi của bà S, nhưng không đồng ý liên đới cùng bà H trả nợ. Bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không gửi văn bản ghi nhận ý kiến.

Xét thấy, căn cứ bà S khởi kiện là giấy xác nhận hụi ngày 20/6/2016(âm lịch) và 02/9/2016 (âm lịch) có sự tham gia của hụi viên N và các hụi viên Võ Thị Kim C, Nguyễn Thị Út E, Lê Duy Lam P, Trần Thị L và Phan Văn C đều xác nhận bà H có tham gia góp hụi và hốt hụi như bà S trình bày. Do bà H vi

phạm nghĩa vụ thanh toán theo kỳ hạn nên bà S khởi kiện yêu cầu trả 63.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với ông N, tuy không trực tiếp tham gia góp hụi nhưng ông biết rõ việc bà H tham gia góp hụi và mất khả năng thanh toán, số nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân đang tồn tại, nên việc bà S yêu cầu ông N liên đới cùng bà H trả 63.000.000 đồng là phù hợp Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

Về lãi suất: do bà S không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 244 Bột luật tố tụng dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình, xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bà S khởi kiện tranh chấp hợp đồng góp hụi với ông N, bà H. Ông N, bà Hà cư trú tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang, căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Ông N, bà Hà đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Theo danh sách hụi do bà S cung cấp và lời trình bày của ông N thì giữa bà S với bà Hà có giao dịch hụi với nhau trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên giao dịch này là hợp pháp.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo triệu tập bà H để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Hà vẫn không có mặt và cũng không gửi ý kiến cho Tòa án nên Tòa án không có cơ sở xem xét ý kiến của bà.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 10.680.000 đồng của hai dây hụi ngày, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 63.000.000 đồng của dây hụi 1.000.000 đồng/tháng và dây hụi 2.000.000 đồng/tháng. Xét, nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này của nguyên đơn.

Bà S căn cứ vào giấy hụi ngày 20/6/2016(âm lịch) và 02/9/2016 (âm lịch) có sự tham gia của hụi viên Năm Trên (tên gọi khác của ông N) và lời khai của những người làm chứng là các hụi viên Võ Thị Kim C, Nguyễn Thị Út E, Lê Duy Lam P, Trần Thị L và Phan Văn C đều xác nhận bà Hàcó tham gia góp hụi và lĩnh hụi như bà S trình bày nhưng không thực hiện nghĩa vụ góp hụi. Do đó,

có cơ sở xác định số tiền hụi bà H còn nợ bà S 52.000.000 đồng của dây hụi 2.000.000 đồng/tháng và 11.000.000 đồng của dây hụi 1.000.000 đồng/tháng. Bà S là chủ hụi, bà H là hụi viên, bà S đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình nhưng bà H tự ý không tiếp tục thực hiện như đã thỏa thuận ban đầu là vi phạm nghĩa vụ. Xét, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trách nhiệm liên đới: bà S yêu cầu ông N có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng với bà H. Xét, tuy ông N không trực tiếp tham gia góp hụi nhưng ông biết rõ việc bà H tham gia hụi do bà S làm chủ và việc giao dịch hụi phát sinh trong thời kỳ hôn nhân; ông N không đưa ra chứng cứ phản bác việc bà S lĩnh hụi nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên ông N phải có trách nhiệm liên đới cùng bà Hà trả nợ là phù hợp Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

Về lãi suất: do bà S không yêu cầu tính lãi nên không xét đến.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử buộc bà H, ông N có trách nhiệm liên đới trả cho bà S số tiền 63.000.000 đồng là phù hợp Điều 471 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 30 Nghị định của Chính Phủ số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006.

[3]. Về án phí: bà H và ông N vi phạm nghĩa vụ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 471 Bộ luật dân sự 2015;

Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;

Các Điều 26, 35, 39, 92, 144, 147, 228, 244, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 30 Nghị định của Chính Phủ số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Hồng S đối với bà Phan Thị Thu H và ông Võ Ngọc N.

Buộc bà Phan Thị Thu H và ông Võ Ngọc N có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trương Thị Hồng S số tiền 63.000.000 *(sáu mươi ba triệu)* đồng.

Đình xử xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Hồng S đối với bà Phan Thị Thu H và ông Võ Ngọc N về yêu cầu trả số tiền 10.680.000 (*mười triệu sáu trăm tám mươi nghìn)* đồng của hai dây hụi ngày.

Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phan Thị Thu H và ông Võ Ngọc N có trách nhiệm liên đới phải chịu 3.150.000 *(ba triệu một trăm năm mươi nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Trương Thị Hồng S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.842.000 đồng *(một triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn)* đồng theo biên lai thu tiền số 0018893 ngày 16/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Bà S có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bà H, ông N có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kể từ ngày bên được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thanh toán số tiền trên cho bên được thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký tên và đóng dấu)

Lại Hiệp Phong

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THA dân sự Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu./.